

Bản án số: **117/2024/DS-PT**

Ngày 14-6-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Kim-Kiểm sát viên

Trong các ngày 07, 14 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Thu H**, sinh năm 1984 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1983 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Ấp 11A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trương Minh T**, sinh năm 1982 “vắng mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Số nhà 56, ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. Bà **Thị T1**, sinh năm 1983 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà **Phan Thị Thu H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị T1 có mối quan hệ bạn bè. Vào ngày 01 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 605.000.000 đồng có thời hạn 06 tháng, lãi suất 20%/năm, thể hiện bằng văn bản tại giấy “*Biên nhận*” nhận nợ vay của bị đơn tự viết và ghi đầy đủ họ tên và ký với nội dung: “*Tôi Nguyễn Thị Kim N, SN 25-9-1983, TT tại ấp 11A...có nhận của bà Phan Thị Thu H, SN 1984... Số tiền nhận là 605.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ năm triệu đồng)*”. Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ vay số tiền này nhưng bị đơn vẫn không trả nên nguyên đơn tiến hành khởi kiện đối với bị đơn và tại Toà án cấp sơ thẩm yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả đủ số tiền vay gốc 605.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi kể từ ngày vay 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 20%/năm. Sau đó, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả đủ số tiền vay gốc là 605.000.000 đồng mà không yêu cầu về tiền lãi đối với bị đơn nữa.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H do bị đơn cho rằng số tiền 605.000.000 đồng này là tiền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị T1 vay của bị đơn nên bà Thị T1 nhờ nguyên đơn trả cho bị đơn nên bị đơn có viết giấy “*Biên nhận*” trên cho nguyên đơn và bị đơn có viết đầy đủ họ tên của bị đơn và bị đơn ký nhận số tiền 605.000.000 đồng chứ đây không phải là tiền bị đơn vay của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24-01-2024 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước đã quyết định như sau:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H. Ngoài ra, còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn bà Phan Thị Thu H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Vụ án này do có kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H theo thủ tục phúc thẩm nên thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước theo Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H, thấy rằng:

[2.1] Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N hoàn toàn thừa nhận bị đơn có trực tiếp nhận số tiền 605.000.000 đồng của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H giao. Lời thừa nhận của bị đơn hoàn toàn phù hợp với chứng cứ là văn bản thể hiện tại giấy “*Biên nhận*” ngày 01 tháng 10 năm 2020 có nội dung: “*Tôi Nguyễn Thị Kim N, SN 25-9-1983, TT tại ấp 11A... có nhận của bà Phan Thị Thu H, SN 1984... Số tiền nhận là 605.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ năm triệu đồng)*”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N cũng thừa nhận giấy “*Biên nhận*” trên là do bị đơn tự nguyện viết, bị đơn ghi đầy đủ họ tên của bị đơn và bị đơn trực tiếp ký vào “*Biên nhận*” trên rồi bị đơn giao cho nguyên đơn giữ. Do đó, có đầy đủ chứng cứ xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nhận của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H số tiền 605.000.000 đồng.

[2.2] Mặt khác, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N cho rằng số tiền 605.000.000 đồng này là tiền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị T1 vay của bị đơn nên bà Thị T1 nhờ nguyên đơn bà Phan Thị Thu H trả cho bị đơn nên bị đơn tự viết và ký nhận số tiền 605.000.000 đồng chứ đây không phải là tiền bị đơn vay của nguyên đơn nhưng không được nguyên đơn chấp nhận, còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời trình bày không trùng khớp và đây mâu thuẫn với nhau và cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh số tiền 605.000.000 đồng trên là của bà Thị T1 nhờ nguyên đơn trả giùm cho bị đơn.

[2.3] Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận, sửa toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả đủ số tiền vay gốc 605.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm còn bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự phúc thẩm, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H; Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24-01-2024 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ vào các điều 280, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H;

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ trả đủ số tiền vay gốc cho nguyên đơn bà Phan Thị Thu H là **605.000.000 đồng**.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp 28.200.000 đồng. Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H không phải nộp và được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 18.402.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009973 ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H không phải nộp nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006053 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Nhum

